

Số: 2012/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học khóa năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Đại học Quốc gia TP. HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Đại học Quốc gia TP. HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24 tháng 03 năm 2017 của Đại học Quốc gia TP. HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ theo kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 329 thí sinh đã trúng tuyển là học viên cao học, hệ Chính quy, Khóa năm 2020 gồm các học viên có tên trong danh sách đính kèm Quyết định này.

Thời gian đào tạo: Từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2022.

Điều 2. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện quy chế và được hưởng mọi quyền lợi theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Phòng, Ban, Khoa có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 1
- Ban SĐH, ĐHQG-HCM (để báo cáo),
- Khoa,
- Lưu VT, SĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Linh Thuốc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
(Kèm theo Quyết định số 2012/QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
1	20C11015	Phan Ngọc Tuấn Anh	Nam	26/10/1995	Lâm Đồng	Khoa học máy tính	
2	20C11016	Nguyễn Đức Anh	Nam	16/11/1996	TP.HCM	Khoa học máy tính	
3	20C11017	Nguyễn Hà Minh Anh	Nữ	07/08/1994	TP.HCM	Khoa học máy tính	
4	20C11019	Nguyễn Mạnh Đăng	Nam	15/01/1990	Lâm Đồng	Khoa học máy tính	
5	20C11020	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	14/09/1997	TP.HCM	Khoa học máy tính	CTS
6	20C11021	Trương Quang Định	Nam	01/01/1992	Long An	Khoa học máy tính	
7	20C11022	Nguyễn Mạnh Đông	Nam	15/01/1990	Lâm Đồng	Khoa học máy tính	
8	20C11023	Lê Bùi Phương Đông	Nam	24/04/1997	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính	
9	20C11024	Ngô Đình Minh Đức	Nam	03/09/1989	Quảng Bình	Khoa học máy tính	
10	20C11025	Lê Minh Đường	Nam	01/05/1992	Đắk Lắk	Khoa học máy tính	
11	20C11026	Nguyễn Hồng Hải	Nam	14/01/1996	Bến Tre	Khoa học máy tính	
12	20C11027	Lâm Khả Hân	Nữ	22/09/1997	TP.HCM	Khoa học máy tính	
13	20C11028	Nguyễn Đức Hậu	Nam	11/06/1993	Đắk Lắk	Khoa học máy tính	
14	20C11029	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	10/05/1993	Đồng Tháp	Khoa học máy tính	
15	20C11030	Lâm Cẩm Hoa	Nam	12/09/1984	TP.HCM	Khoa học máy tính	
16	20C11031	Nguyễn Tổng Đức Huy	Nam	27/03/1993	Bến Tre	Khoa học máy tính	
17	20C11032	Nguyễn Đình Khải	Nam	23/09/1998	Đồng Nai	Khoa học máy tính	
18	20C11033	Nguyễn Phú Khánh	Nam	27/07/1997	Hải Dương	Khoa học máy tính	
19	20C11034	Nguyễn Trung Kiên	Nam	19/12/1996	Kiên Giang	Khoa học máy tính	
20	20C11035	Trương Thế Kiệt	Nam	07/09/1996	TP.HCM	Khoa học máy tính	
21	20C11036	Lê Khánh Linh	Nam	17/06/1995	Bình Dương	Khoa học máy tính	
22	20C11037	Nguyễn Võ Phi Long	Nam	11/12/1996	Long An	Khoa học máy tính	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 2012/QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
23	20C11038	Nguyễn Hiền Lương	Nam	20/07/1988	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính	
24	20C11039	Bành Gia Mẫn	Nam	29/04/1998	TP.HCM	Khoa học máy tính	
25	20C11040	Đặng Nhật Minh	Nam	01/12/1995	Bình Dương	Khoa học máy tính	
26	20C11041	Nguyễn Trần Duy Minh	Nam	25/06/1998	TP.HCM	Khoa học máy tính	CTS
27	20C11042	Liu Kim Nghĩa	Nam	20/12/1994	TP.HCM	Khoa học máy tính	
28	20C11043	Lê Thanh Ngọc	Nam	22/06/1998	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính	CTS
29	20C11044	Lê Đình Ngọc	Nam	26/07/1998	Đồng Nai	Khoa học máy tính	CTS
30	20C11045	Lê Trần Thanh Phong	Nam	21/04/1974	Sài Gòn	Khoa học máy tính	
31	20C11046	Trần Anh Quân	Nam	20/11/1982	Bình Định	Khoa học máy tính	
32	20C11047	Nguyễn Huỳnh Phú Quý	Nam	11/03/1997	Lâm Đồng	Khoa học máy tính	CTS
33	20C11048	Nguyễn Tấn Sơn	Nam	19/04/1998	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính	
34	20C11049	Phạm Hữu Tài	Nam	23/10/1995	TP.HCM	Khoa học máy tính	
35	20C11050	Mai Thanh Tân	Nam	28/08/1993	Long An	Khoa học máy tính	
36	20C11051	Nguyễn Quốc Thái	Nam	04/07/1994	Tiền Giang	Khoa học máy tính	
37	20C11052	Phạm Thành	Nam	12/11/1994	TP.HCM	Khoa học máy tính	
38	20C11053	Lâm Lê Thanh Thế	Nam	11/08/1997	TP.HCM	Khoa học máy tính	CTS
39	20C11054	Nguyễn Minh Thịnh	Nam	16/02/1997	Tiền Giang	Khoa học máy tính	
40	20C11055	Cái Hữu Thức	Nam	20/09/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa học máy tính	
41	20C11056	Nguyễn Xuân Toàn	Nam	20/02/1990	Trà Vinh	Khoa học máy tính	
42	20C11057	Phan Minh Toàn	Nam	12/04/1996	Quảng Nam	Khoa học máy tính	
43	20C11058	Võ Thanh Trúc	Nữ	09/01/1994	Bến Tre	Khoa học máy tính	
44	20C11060	Phạm Anh Việt	Nam	17/05/1995	Bình Dương	Khoa học máy tính	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 2012/QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
45	20C11061	Đặng Vinh	Nam	14/06/1994	TP.HCM	Khoa học máy tính	
46	20C11062	Đặng Minh Phú Vinh	Nam	21/09/1996	Vĩnh Long	Khoa học máy tính	
47	20C12027	Vũ Tuấn Anh	Nam	19/05/1998	TP.HCM	Hệ thống thông tin	
48	20C12028	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	06/03/1985	Tiền Giang	Hệ thống thông tin	VNPT TG
49	20C12029	Phạm Thành Hải	Nam	07/11/1991	An Giang	Hệ thống thông tin	
50	20C12030	Huỳnh Lâm Phú Sĩ	Nam	29/03/1998	Tiền Giang	Hệ thống thông tin	CTS
51	20C12031	Huỳnh Ngọc Đan Thanh	Nữ	03/05/1997	An Giang	Hệ thống thông tin	
52	20C12032	Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	30/05/1996	Tiền Giang	Hệ thống thông tin	
53	20C21005	Trần Võ Mỹ Hạnh	Nữ	29/03/1998	Đồng Nai	Đại số & Lý thuyết số	CTS
54	20C21006	Võ Nguyễn Minh Hiếu	Nam	02/04/1998	Cần Thơ	Đại số & Lý thuyết số	
55	20C21007	Lê Thị Lam Linh	Nữ	16/05/1998	An Giang	Đại số & Lý thuyết số	CTS
56	20C21008	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	03/06/1998	Bình Dương	Đại số & Lý thuyết số	CTS
57	20C21009	Phạm Minh Nhật	Nam	04/11/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại số & Lý thuyết số	
58	20C21010	Trần Ngọc Thành	Nam	24/01/1998	Đồng Tháp	Đại số & Lý thuyết số	CTS
59	20C21011	Thái Thùy Tiên	Nữ	05/06/1998	Đồng Nai	Đại số & Lý thuyết số	
60	20C21012	Tăng Võ Nhật Trung	Nam	03/07/1998	Đồng Tháp	Đại số & Lý thuyết số	
61	20C21013	Võ Đình Tuấn	Nam	03/09/1993	Đồng Nai	Đại số & Lý thuyết số	
62	20C21014	Lê Nguyễn Viết Tường	Nam	14/11/1997	TP.HCM	Đại số & Lý thuyết số	CTS
63	20C22002	Nguyễn Xuân Chân	Nam	18/11/1996	Thanh Hóa	Toán giải tích	
64	20C22003	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	09/08/1996	Đắk Lắk	Toán giải tích	
65	20C22004	Nguyễn Phúc Nghĩa	Nam	24/01/1995	TP.HCM	Toán giải tích	
66	20C22005	Phan Văn Phương	Nam	15/11/1977	Long An	Toán giải tích	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
(Kèm theo Quyết định số 2012 /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
67	20C22006	Nguyễn Phú Quý	Nam	14/04/1997	Tiền Giang	Toán giải tích	CTS
68	20C23001	Vũ Quốc Hoàng	Nam	10/12/1985	Quảng Nam	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	
69	20C23002	Lương Văn Khải	Nam	17/02/1998	Đắk Lắk	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	CTS
70	20C23003	Đặng Thảo Vy	Nữ	19/11/1998	TP.HCM	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	CTS
71	20C24006	Trần Minh Bằng	Nam	18/08/1995	Sông Bé	Toán ứng dụng	CTS
72	20C24007	Trương Cường	Nam	07/12/1983	Quảng Nam	Toán ứng dụng	
73	20C24008	Lê Đỗ Thành Đạt	Nam	11/10/1997	TP.HCM	Toán ứng dụng	
74	20C24009	Phạm Duy Nam	Nam	10/08/1992	Thái Bình	Toán ứng dụng	
75	20C24010	Nguyễn Thành Nhân	Nam	10/06/1997	Long An	Toán ứng dụng	
76	20C24011	Đinh Ngô Ngọc Phú	Nam	02/04/1997	Phú Yên	Toán ứng dụng	
77	20C24012	Nguyễn Vy Thông	Nam	22/05/1993	TP.HCM	Toán ứng dụng	CTS
78	20C29018	Nguyễn Thanh Việt Cường	Nam	16/08/1989	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
79	20C29019	Dương Quốc Đạt	Nam	18/11/1997	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
80	20C29020	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	28/06/1998	Thanh Hóa	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
81	20C29021	Lê Chí Hoàng	Nam	04/06/1983	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
82	20C29022	Nguyễn Thị Kim Hoàng	Nữ	07/09/1990	Ninh Thuận	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
83	20C29023	Trần Mạnh Hùng	Nam	17/09/1996	Bắc Ninh	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
84	20C29024	Nguyễn Thanh Huy	Nam	09/11/1995	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
85	20C29025	Trần Duy Khang	Nam	20/11/1992	Quảng Bình	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
86	20C29026	Phan Quang Khánh	Nam	14/03/1998	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
87	20C29027	Nguyễn Duy Minh Khôi	Nam	10/10/1997	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
88	20C29028	Lý Phi Long	Nam	08/12/1998	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 2012 /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
89	20C29029	Trần Minh Bảo Nghĩa	Nam	17/10/1998	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
90	20C29030	Nghiêm Thị Thanh Ngọc	Nữ	06/03/1990	Thanh Hóa	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
91	20C29031	Phạm Phi Nhung	Nữ	28/08/1998	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
92	20C29032	Nguyễn Mạnh Phú	Nam	26/10/1998	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
93	20C29033	Phạm Thị Hồng Phụng	Nữ	10/06/1994	Bình Thuận	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
94	20C29034	Huỳnh Thanh Sơn	Nam	27/11/1998	An Giang	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
95	20C29035	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	03/07/1994	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
96	20C29036	Lê Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	01/10/1995	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
97	20C29037	Phạm Quỳnh Thi	Nữ	05/02/1998	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
98	20C29038	Đặng Khánh Thi	Nữ	29/01/1996	TP.HCM	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	CTS
99	20C29039	Nguyễn Thanh Thoại	Nam	20/04/1995	Gia Lai	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
100	20C29040	Trần Thị Minh Trang	Nữ	06/02/1997	Long An	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
101	20C29041	Hà Minh Tuấn	Nam	25/10/1986	An Giang	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
102	20C29042	Nguyễn Lê Cát Tường	Nam	03/05/1993	Lâm Đồng	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	
103	20C28012	Tô Trọng Nhân	Nam	30/04/1997	Bình Dương	Toán ứng dụng - Giáo dục toán học	CTS
104	20C28013	Thái Doãn Thịnh	Nam	03/03/1992	TP.HCM	Toán ứng dụng - Giáo dục toán học	
105	20C28014	Phạm Nguyễn Hoàng Thịnh	Nam	04/01/1998	TP.HCM	Toán ứng dụng - Giáo dục toán học	CTS
106	20C28015	Vũ Thị Thùy	Nữ	27/05/1997	Nghệ An	Toán ứng dụng - Giáo dục toán học	
107	20C31001	Quách Ái Mi	Nữ	14/04/1998	TP.HCM	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	
108	20C31002	Trần Trí Nhân	Nam	12/08/1997	TP.HCM	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	
109	20C31003	Nguyễn Đặng Bảo Nhi	Nữ	18/09/1997	Bình Phước	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	
110	20C31004	Võ Thị Ý Nhi	Nữ	04/11/1997	Long An	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 20/2 /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
111	20C31005	Phan Quang Sơn	Nam	13/08/1998	Bình Dương	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	
112	20C32003	Trần Kim Chi	Nam	21/04/1997	TP.HCM	Quang học	
113	20C32004	Kim Nhật Huy	Nam	08/12/1997	Bạc Liêu	Quang học	
114	20C32005	Trương Chí Lâm	Nam	19/01/1998	Bình Dương	Quang học	
115	20C32006	Nguyễn Hà Thanh	Nữ	08/12/1997	Bình Dương	Quang học	
116	20C32007	Trần Tường Thi	Nữ	30/05/1997	TP.HCM	Quang học	
117	20C32008	Lương Như Thủy	Nữ	22/09/1980	Sông Bé	Quang học	
118	20C32009	Nguyễn Minh Tiến	Nam	04/11/1998	Bình Dương	Quang học	
119	20C32010	Lê Hoài Trung	Nam	26/08/1997	TP.HCM	Quang học	
120	20C33001	Lê Đăng Mạnh	Nam	23/06/1996	Thanh Hóa	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	
121	20C33002	Phan Trọng Nghĩa	Nam	18/01/1997	TP.HCM	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	
122	20C33003	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	19/08/1998	TP.HCM	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	
123	20C33004	Ngô Thị Phương Yến	Nữ	06/01/1997	Cà Mau	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	
124	20C33005	Huỳnh Thụy Đoan Khanh	Nữ	23/02/1998	TP.HCM	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	CTS
125	20C33006	Nguyễn Hoàng Long	Nam	26/01/1998	Bến Tre	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	CTS
126	20C34002	Lý Xuân Bình	Nam	17/09/1998	Bến Tre	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CTS
127	20C34003	Trần Vũ Đông	Nam	01/02/1998	Quảng Nam	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CTS
128	20C34004	Huỳnh Anh Dũng	Nam	05/04/1997	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
129	20C34005	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	11/10/1998	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
130	20C34006	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	05/01/1996	Nam Định	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
131	20C34007	Nguyễn Kông Chí Khang	Nam	10/08/1998	An Giang	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
132	20C34008	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	07/01/1997	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 2012 /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
133	20C34009	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	17/03/1996	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
134	20C34010	Võ Tấn Linh	Nam	16/04/1994	Bình Định	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
135	20C34011	Đặng Công Minh	Nam	08/08/1997	Quảng Nam	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
136	20C34012	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	25/09/1998	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
137	20C34013	Trần Ngọc Tiến Phát	Nam	21/08/1997	Bình Định	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
138	20C34014	Võ Công Phát	Nam	27/12/1998	Quảng Ngãi	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CTS
139	20C34015	Trần Phát	Nam	23/08/1994	Bến Tre	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
140	20C34016	Dương Tấn Phúc	Nam	02/04/1993	Tiền Giang	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
141	20C34017	Lê Huỳnh Sơn	Nam	23/09/1998	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CTS
142	20C34018	Phạm Công Thái	Nam	26/04/1995	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
143	20C34019	Cao Minh Thông	Nam	18/10/1994	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
144	20C34020	Võ Văn Tiên	Nam	02/02/1994	Quảng Ngãi	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
145	20C34021	Trần Văn Tiến	Nam	10/03/1994	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
146	20C34022	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	14/07/1998	Long An	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
147	20C34023	Trần Quốc Tuấn	Nam	02/06/1979	TP.HCM	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
148	20C34024	Trần Thị Thanh Vinh	Nữ	19/07/1998	Bình Thuận	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CTS
149	20C34025	Nguyễn Thanh Vy	Nữ	22/11/1998	Vĩnh Long	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CTS
150	20C34026	Phan Thanh Xuân	Nam	12/09/1998	TP. Đà Nẵng	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	
151	20C38001	Bùi Ngô Tôn Bách	Nam	18/05/1998	Khánh Hòa	Vật lý kỹ thuật	
152	20C38002	Phan Ngô Chí Bảo	Nam	18/06/1998	Khánh Hòa	Vật lý kỹ thuật	
153	20C38003	Bùi Tiến Hòa	Nam	16/02/1996	Thanh Hóa	Vật lý kỹ thuật	
154	20C38004	Huỳnh Thiện Khôi	Nam	20/04/1998	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
(Kèm theo Quyết định số **2012** /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
155	20C38005	Vũ Thành Nam	Nam	16/01/1997	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật	
156	20C38006	Nguyễn Trần Khánh Nguyên	Nam	19/02/1998	An Giang	Vật lý kỹ thuật	CTS
157	20C38007	Trương Kim Nhi	Nữ	03/01/1997	Cà Mau	Vật lý kỹ thuật	
158	20C38008	Trần Tại Phúc	Nam	06/12/1998	An Giang	Vật lý kỹ thuật	
159	20C38009	Nguyễn Thị Lê Thùy	Nữ	14/12/1998	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật	CTS
160	20C38010	Đặng Lưu Nhã Trân	Nữ	03/05/1997	Bạc Liêu	Vật lý kỹ thuật	
161	20C38012	Lâm Bích Tuyền	Nữ	16/01/1996	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật	
162	20C39001	Nguyễn Bình An	Nam	02/12/1998	Đồng Nai	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	CTS
163	20C39002	Nguyễn Lê Quốc Bảo	Nam	06/08/1996	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
164	20C39003	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	Nữ	01/03/1989	Phú Yên	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
165	20C39004	Nguyễn Thị Anh Huyền	Nữ	29/10/1997	Quảng Ngãi	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
166	20C39005	Cao Minh Khôi	Nam	26/02/1997	Tây Ninh	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
167	20C39006	Quách Uy Lập	Nam	23/05/1996	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
168	20C39007	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	05/07/1998	Vũng Tàu	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	CTS
169	20C39008	Hồng Long Nhân	Nam	08/11/1997	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
170	20C39009	Lê Tấn Phát	Nam	04/08/1996	Kiên Giang	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
171	20C39010	Đỗ Thành Nhân Phát	Nam	16/10/1994	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
172	20C39011	Thái Thị Thanh Thủy	Nữ	31/07/1993	Tiền Giang	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
173	20C39012	Lê Thị Kiều Tiên	Nữ	22/02/1997	Tây Ninh	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
174	20C39013	Nguyễn Anh Trí	Nam	25/12/1996	Khánh Hòa	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
175	20C39014	Nguyễn Văn Truyền	Nam	08/06/1996	Quảng Nam	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
176	20C39015	Trần Minh Tuyền	Nam	01/01/1998	Đồng Nai	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 2012 /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
177	20C39016	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	20/06/1983	Bình Dương	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
178	20C39017	Phạm Thị Thúy Vy	Nữ	22/12/1996	Tây Ninh	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	
179	20C51003	Lê Thị Vỹ Dạ	Nữ	16/06/1994	Khánh Hòa	Hóa hữu cơ	
180	20C51004	Lý Thành Đạt	Nam	03/07/1997	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	
181	20C51005	Ngô Văn Dung	Nam	03/11/1994	An Giang	Hóa hữu cơ	
182	20C51006	Lê Thị Hoa	Nữ	22/02/1998	Quảng Ngãi	Hóa hữu cơ	CTS
183	20C51007	Nguyễn Khánh Hưng	Nam	02/10/1998	Tiền Giang	Hóa hữu cơ	CTS
184	20C51008	Lê Hoàng Khang	Nam	19/07/1998	Tiền Giang	Hóa hữu cơ	
185	20C51009	Văn Chí Khang	Nam	06/06/1996	Bạc Liêu	Hóa hữu cơ	
186	20C51010	Nguyễn Thị Ngọc Nương	Nữ	11/05/1997	Long An	Hóa hữu cơ	
187	20C51012	Trần Thị Vân	Nữ	06/02/1991	Ninh Thuận	Hóa hữu cơ	
188	20C52006	Trần Ngọc Linh	Nữ	29/04/1994	TP.HCM	Hóa phân tích	
189	20C52007	Trần Nhật Linh	Nam	23/11/1995	Đồng Tháp	Hóa phân tích	
190	20C52008	Trịnh Thị Ánh Nguyệt	Nữ	25/06/1995	Quảng Trị	Hóa phân tích	
191	20C52009	Nguyễn Thị Phương Nhi	Nữ	08/12/1997	Tây Ninh	Hóa phân tích	
192	20C52010	Phạm Nguyễn Tường Như	Nữ	12/11/1995	TP.HCM	Hóa phân tích	
193	20C52011	Dương Nguyên Nguyễn	Nữ	07/05/1998	Bình Định	Hóa phân tích	
194	20C52012	Trần Thị Mỹ Phê	Nữ	18/07/1995	Thừa Thiên Huế	Hóa phân tích	
195	20C52014	Phạm Thị Thảo	Nữ	13/04/1995	Quảng Ngãi	Hóa phân tích	
196	20C52015	Võ Lê Thanh Thảo	Nữ	01/10/1993	TP.HCM	Hóa phân tích	
197	20C52016	Trần Kim Trinh	Nữ	31/10/1988	TP.HCM	Hóa phân tích	
198	20C52017	Lê Thị Cát Tường	Nữ	19/09/1998	Long An	Hóa phân tích	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
(Kèm theo Quyết định số 2012 /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
199	20C52018	Phan Hoàng Thúy Vy	Nữ	09/02/1994	Trà Vinh	Hóa phân tích	
200	20C53004	Lê Minh Kha	Nam	13/07/1998	Long An	Hóa lý thuyết và Hóa lý	CTS
201	20C53005	Nguyễn Võ Hiếu Liêm	Nam	06/02/1998	An Giang	Hóa lý thuyết và Hóa lý	CTS
202	20C53006	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	02/08/1995	Tiền Giang	Hóa lý thuyết và Hóa lý	
203	20C54003	Nguyễn Đoàn Thanh Thủy	Nữ	01/06/1998	Quảng Nam	Hóa vô cơ	CTS
204	20C55003	Lê Chí Hiên Đạt	Nam	05/12/1998	TP.HCM	HHC - Giảng dạy hóa học thực nghiệm	
205	20C55004	Lê Thị Việt Hà	Nữ	28/02/1998	Bình Phước	HHC - Giảng dạy hóa học thực nghiệm	
206	20C61005	Hứa Trường Chinh	Nam	09/01/1998	Bến Tre	Hóa sinh học	
207	20C61006	Trần Hữu Chí	Nam	17/07/1969	Bến Tre	Hóa sinh học	
208	20C61007	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	08/04/1998	Quảng Ngãi	Hóa sinh học	CTS
209	20C61008	Phan Thị Liễu	Nữ	29/11/1996	Bình Định	Hóa sinh học	
210	20C61009	Nguyễn Thị Thuỷ Ngân	Nữ	17/05/1995	Hậu Giang	Hóa sinh học	
211	20C61010	Trần Nguyễn Phúc Nhân	Nữ	15/10/1998	Bình Thuận	Hóa sinh học	
212	20C61012	Từ Khởi Thành	Nam	08/07/1997	TP.HCM	Hóa sinh học	
213	20C61013	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	28/09/1995	Phú Yên	Hóa sinh học	
214	20C61014	Dương Thanh Tuấn	Nam	16/02/1995	TP.HCM	Hóa sinh học	
215	20C61015	Huỳnh Thế Vinh	Nam	28/07/1998	Trà Vinh	Hóa sinh học	
216	20C63009	Cao Thị Ngọc Ánh	Nữ	10/08/1997	Đồng Nai	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
217	20C63010	Lê Thị Dung	Nữ	12/01/1998	Bình Định	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	CTS
218	20C63011	Nguyễn Bích Duyên	Nữ	03/02/1990	Cà Mau	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
219	20C63012	Đặng Thị Ngọc Hân	Nữ	16/03/1990	Long An	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
220	20C63013	Trần Anh Kiệt	Nam	12/11/1997	Đà Lạt	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
(Kèm theo Quyết định số 2012/QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
221	20C63014	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	20/10/1996	Long An	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
222	20C63015	Lê Nguyễn Quế Minh	Nữ	13/06/1996	Long An	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
223	20C63016	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	13/07/1998	Đồng Nai	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	CTS
224	20C63017	Trần Bích Nga	Nữ	13/11/1993	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
225	20C63018	Trần Thị Ánh Nguyệt	Nữ	15/10/1994	Bình Định	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
226	20C63019	Dương Thị Minh Nguyệt	Nữ	26/05/1997	Khánh Hòa	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
227	20C63020	Nguyễn Thị Ngọc Như	Nữ	19/09/1998	Đồng Tháp	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	CTS
228	20C63021	Lư Nguyễn Cẩm San	Nữ	02/02/1993	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
229	20C63022	Huỳnh Quốc Thái	Nam	01/05/1991	Bình Phước	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
230	20C63023	Nguyễn Ngọc Thanh	Nữ	30/03/1997	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
231	20C64010	Bùi Hoàng Dũng	Nam	16/12/1997	Đồng Nai	Vi sinh vật học	
232	20C64011	Hồ Phú Khánh	Nam	02/11/1997	TP.HCM	Vi sinh vật học	
233	20C64012	Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	27/12/1996	Thanh Hóa	Vi sinh vật học	
234	20C64013	Nguyễn Huỳnh Thanh Nhi	Nữ	24/10/1997	Bình Định	Vi sinh vật học	
235	20C64014	Phạm Minh Phương	Nam	14/03/1994	Bến Tre	Vi sinh vật học	
236	20C64015	Đào Thị Thanh	Nữ	28/05/1994	Gia Lai	Vi sinh vật học	
237	20C64016	Vũ Thị Thanh Thanh	Nữ	06/02/1998	An Giang	Vi sinh vật học	
238	20C64017	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	29/01/1998	Lâm Đồng	Vi sinh vật học	
239	20C64018	Trần Thị Minh Thư	Nữ	02/12/1998	TP.HCM	Vi sinh vật học	CTS
240	20C64019	Diệp Hưng Thịnh	Nam	22/07/1992	TP.HCM	Vi sinh vật học	
241	20C65002	Dương Quốc Bảo	Nam	22/05/1997	Bình Định	Sinh thái học	
242	20C65003	Hoàng Ngọc Hiếu	Nam	21/01/1995	TP.HCM	Sinh thái học	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
243	20C65004	Lê Tấn Quy	Nam	24/09/1995	Long An	Sinh thái học	CTS
244	20C65005	Phan Minh Tâm	Nam	10/12/1995	Tiền Giang	Sinh thái học	
245	20C65006	Trần Thuý Vy	Nữ	18/02/1996	Cà Mau	Sinh thái học	
246	20C66011	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	23/03/1992	Quảng Nam	Di truyền học	
247	20C66012	Trần Thắm Hồng	Nữ	12/03/1997	Gia Lai	Di truyền học	
248	20C66013	Phạm Hoài Linh	Nữ	05/07/1996	TP.HCM	Di truyền học	
249	20C66014	Ngô Thị Sa Ly	Nữ	24/05/1991	Kiên Giang	Di truyền học	
250	20C66015	Thị Yêm Nguyên	Nữ	08/10/1994	Bình Thuận	Di truyền học	
251	20C66016	Vũ Phạm Hồng Nhung	Nữ	26/08/1992	TP.HCM	Di truyền học	
252	20C66017	Võ Hồ Mỹ Phúc	Nữ	16/11/1998	An Giang	Di truyền học	CTS
253	20C66018	Trần Thị Kim Phụng	Nữ	23/08/1991	Quảng Trị	Di truyền học	
254	20C66019	Trần Tài	Nam	07/08/1996	TP.HCM	Di truyền học	
255	20C66020	Huỳnh Thanh Thảo	Nam	01/01/1997	Tiền Giang	Di truyền học	
256	20C66021	Ngô Ngọc Phương Thủy	Nữ	15/09/1996	TP.HCM	Di truyền học	
257	20C66022	Hà Thị Phương Trinh	Nữ	26/07/1997	Quảng Nam	Di truyền học	
258	20C66023	Nguyễn Ngọc Thủy	Nữ	15/05/1993	TP.HCM	Di truyền học	
259	20C67017	Trương Trâm Anh	Nữ	30/01/1997	TP.HCM	Công nghệ sinh học	
260	20C67019	Phạm Thị Thuý Dương	Nữ	20/11/1995	TP.HCM	Công nghệ sinh học	
261	20C67020	Bùi Phước Duy	Nam	06/04/1998	Bến Tre	Công nghệ sinh học	
262	20C67021	Bùi Lập Duy	Nam	05/02/1997	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	CTS
263	20C67022	Hà Sứ Gia	Nam	08/07/1996	TP.HCM	Công nghệ sinh học	
264	20C67023	Nguyễn Thị Hà	Nữ	26/06/1994	Lâm Đồng	Công nghệ sinh học	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 2012/QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
265	20C67024	Lê Thị Thuý Hằng	Nữ	15/01/1997	Tây Ninh	Công nghệ sinh học	
266	20C67025	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	06/06/1998	Bình Dương	Công nghệ sinh học	
267	20C67027	Phạm Nguyễn Hồng Ngọc	Nam	23/01/1997	TP.HCM	Công nghệ sinh học	
268	20C67029	Đặng Tú Quyên	Nữ	25/12/1997	Khánh Hòa	Công nghệ sinh học	
269	20C67030	Trần Đặng Thanh Tâm	Nữ	01/01/1998	Đồng Nai	Công nghệ sinh học	CTS
270	20C67031	Trần Diệu Thái	Nữ	04/03/1992	TP.HCM	Công nghệ sinh học	
271	20C67032	Trần Duy Thanh	Nam	02/01/1998	Lâm Đồng	Công nghệ sinh học	CTS
272	20C67033	Đặng Lương Phương Thảo	Nữ	02/11/1996	Gia Lai	Công nghệ sinh học	
273	20C67034	Ngô Lương Đăng Thức	Nam	27/10/1995	TP.HCM	Công nghệ sinh học	CTS
274	20C67035	Trịnh Thị Thương	Nữ	17/03/1997	Bình Phước	Công nghệ sinh học	
275	20C67036	Phạm Thị Thu Thuý	Nữ	04/11/1997	Bình Phước	Công nghệ sinh học	
276	20C67038	Bùi Nguyễn Quỳnh Trâm	Nữ	06/08/1995	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	
277	20C67039	Nguyễn Thái Minh Trăn	Nam	12/11/1997	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	CTS
278	20C67040	Hồ Văn Nhật Trường	Nam	28/06/1998	Bến Tre	Công nghệ sinh học	CTS
279	20C67041	Nguyễn Hoà Minh Tuấn	Nam	31/10/1995	TP.HCM	Công nghệ sinh học	
280	20C67042	Ngô Phan Minh Vũ	Nam	03/07/1998	Long An	Công nghệ sinh học	
281	20C67043	Nguyễn Trần Khánh Vy	Nữ	15/11/1998	An Giang	Công nghệ sinh học	CTS
282	20C67044	Lê Trọng Tình	Nam	20/02/1988	Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	
283	20C68008	Huỳnh Thị Hồng Diệu	Nữ	18/09/1989	Tiền Giang	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
284	20C68009	Dương Thị Kim Đan	Nữ	11/06/1993	Bến Tre	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
285	20C68010	Trịnh Thanh Giang	Nữ	25/08/1997	Quảng Ngãi	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
286	20C68011	Trần Văn Hoàng	Nam	29/06/1991	Tây Ninh	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 2012/QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
287	20C68012	Đinh Thị Ngọc Khải	Nữ	18/12/1996	Nghệ An	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
288	20C68013	Đinh Thị Mai	Nữ	15/10/1992	Lâm Đồng	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
289	20C68014	Lữ Thị Thanh Nga	Nữ	12/11/1997	TP.HCM	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
290	20C68015	Đoàn Kim Phúc	Nữ	04/09/1998	TP.HCM	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
291	20C68016	Nguyễn Thị Minh Phượng	Nữ	26/07/1997	Bình Dương	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
292	20C68017	Ngô Thị Ngọc Sương	Nữ	19/08/1997	Long An	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
293	20C68018	Nguyễn Hoàng Minh Thư	Nữ	30/12/1998	Tiền Giang	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
294	20C68019	Trần Thị Mộng Tuyền	Nữ	04/08/1997	Đồng Nai	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
295	20C68020	Nguyễn Thuỵ Bảo Vân	Nữ	25/08/1982	TP.HCM	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	
296	20C81001	Tsần Lý Bảo Châu	Nữ	06/07/1998	TP.HCM	Khoa học môi trường	
297	20C81002	Trần Thị Hoài	Nữ	12/11/1992	Nghệ An	Khoa học môi trường	
298	20C81003	Lê Ngọc Phương Khanh	Nữ	11/03/1998	Trà Vinh	Khoa học môi trường	
299	20C81004	Phạm Quốc Kiệt	Nam	09/10/1998	Vĩnh Long	Khoa học môi trường	CTS
300	20C81005	Lê Phương Thi	Nữ	25/10/1998	TP.HCM	Khoa học môi trường	CTS
301	20C81006	Nguyễn Lê Mỹ Thuận	Nữ	12/05/1998	Phú Yên	Khoa học môi trường	CTS
302	20C82001	Bùi Thế Hiền	Nam	16/01/1992	TP.HCM	Quản lý tài nguyên và môi trường	
303	20C82002	Nguyễn Đại Hiệp	Nam	22/01/1996	Long An	Quản lý tài nguyên và môi trường	
304	20C82003	Phạm Hoàng Minh	Nam	20/08/1997	TP.HCM	Quản lý tài nguyên và môi trường	
305	20C82004	Đặng Vinh Quang	Nam	25/08/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản lý tài nguyên và môi trường	
306	20C82005	Nguyễn Thuý Siêng	Nữ	08/01/1995	Quảng Ngãi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
307	20C82006	Nguyễn Nhật Tài	Nam	24/10/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản lý tài nguyên và môi trường	
308	20C82007	Nguyễn Trung Thái	Nam	26/09/1998	Tiền Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	



[Handwritten signature]

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
(Kèm theo Quyết định số 2012/QĐ-KHTN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng
309	20C82008	Võ Minh Thắng	Nam	24/01/1996	Phú Yên	Quản lý tài nguyên và môi trường	
310	20C82011	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	Nữ	28/01/1997	Khánh Hòa	Quản lý tài nguyên và môi trường	
311	20C82012	Phạm Ngọc Bảo Tú	Nữ	22/08/1997	TP.HCM	Quản lý tài nguyên và môi trường	
312	20C82013	Biện Phan Hồng Yến	Nữ	08/03/1997	Tây Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	
313	20C91001	Bùi Thúy An	Nữ	29/10/1998	Quảng Ngãi	Khoa học vật liệu	
314	20C91003	Nguyễn Hải Đăng	Nam	07/04/1998	TP.HCM	Khoa học vật liệu	
315	20C91004	Lê Thị Ngọc Hoa	Nữ	03/02/1998	Bình Dương	Khoa học vật liệu	CTS
316	20C91005	Đặng Văn Hóa	Nam	20/09/1997	An Giang	Khoa học vật liệu	
317	20C91006	Huỳnh Trọng Kha	Nam	16/02/1998	Tiền Giang	Khoa học vật liệu	CTS
318	20C91007	Phạm Anh Khoa	Nam	18/10/1998	Bến Tre	Khoa học vật liệu	
319	20C91008	Hà Quốc Lâm	Nam	27/06/1998	Tiền Giang	Khoa học vật liệu	
320	20C91009	Hà Thị Thu Loan	Nữ	15/04/1998	Phú Yên	Khoa học vật liệu	
321	20C91010	Trần Hoàng Long	Nam	22/09/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa học vật liệu	
322	20C91011	Nguyễn Hà Tuyết Minh	Nữ	11/04/1998	TP.HCM	Khoa học vật liệu	
323	20C91012	Đỗ Trần Quế Phương	Nữ	10/01/1996	An Giang	Khoa học vật liệu	
324	20C91013	Phạm Cao Huyền Trang	Nữ	03/02/1997	Phú Yên	Khoa học vật liệu	CTS
325	20C91014	Vương Thanh Tuyền	Nữ	31/10/1995	Bình Dương	Khoa học vật liệu	
326	20C41001	Ngô Minh Nghĩa	Nam	03/05/1998	Bình Thuận	KTĐT - Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS
327	20C41002	Hồ Quang Phúc	Nam	12/01/1998	TP.HCM	KTĐT - Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS
328	20C41003	Dư Quốc Thành	Nam	08/12/1998	Đồng Tháp	KTĐT - Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS
329	20C41004	Nguyễn Thị Xuân Uyên	Nữ	02/02/1998	Đồng Tháp	KTĐT - Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS

Tổng cộng danh sách có 329 học viên